

GS.TS. TRẦN THỊ VINH

**CHỦ NGHĨA
TƯ BẢN
LỊCH SỬ
THĂNG TRÂM
120 NĂM
(1900 - 2020)**



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH
Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung:	ThS. CÙ THỊ THUÝ LAN ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH ThS. LÊ THỊ THANH HUYỀN
Trình bày bìa:	ThS. VŨ THỊ MAI LIÊN
Chế bản vi tính:	ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ ĐƯỜNG HỒNG MAI
Đọc sách mẫu:	LÊ MINH ĐỨC PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT BÙI BÔI THU

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 4139-2020/CXBIPH/5-337/CTQG.
Số quyết định xuất bản: 5356-QĐ/NXBCTQG, ngày 15/10/2020.
Nộp lưu chiểu: tháng 10 năm 2020.
Mã ISBN: 978-604-57-6100-7.

**CHỦ NGHĨA
TƯ BẢN
LỊCH SỬ
THĂNG TRẦM
120 NĂM**

(1900 - 2020)

GS.TS. TRẦN THỊ VINH

**CHỦ NGHĨA
TƯ BẢN
LỊCH SỬ
THĂNG TRẦM
120 NĂM
(1900 - 2020)**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2019

Lời Nhà xuất bản

Vào khoảng giữa thế kỷ XVI (từ sau cuộc Cách mạng tư sản Hà Lan năm 1566), mô hình xã hội tư bản chủ nghĩa chính thức được xác lập, loại bỏ dần hình thái nhà nước phong kiến, từng bước chiếm ưu thế hoàn toàn tại châu Âu và lan ra nhiều quốc gia khác trên thế giới.

Trong lịch sử tồn tại gần năm thế kỷ, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong thế kỷ XX và hai thập niên đầu thế kỷ XXI đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Trong thời kỳ này, chủ nghĩa tư bản đã châm ngòi cho hai cuộc chiến tranh thế giới đến nay là lớn nhất trong lịch sử nhân loại, đồng thời đã trải qua những bước phát triển thăng trầm, với những đỉnh cao chưa từng thấy cũng như những cuộc khủng hoảng, suy thoái lớn nhất về kinh tế, xã hội. Chủ nghĩa tư bản đã trở thành một trong những chủ thể giữ vị trí then chốt trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại.

Ở nước ta, các công trình nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản chủ yếu tập trung vào các khía cạnh kinh tế chính trị học hoặc thuần túy về kinh tế. Việc nghiên cứu, xem xét sự thăng trầm của chủ nghĩa tư bản trong thế kỷ XX và hai thập niên đầu thế kỷ XXI - một bộ phận không thể tách rời trong dòng chảy của lịch sử nhân loại - vẫn còn có khoảng trống. Do vậy, với cách tiếp cận từ lịch sử, cuốn sách **Chủ nghĩa tư bản: Lịch sử thăng trầm 120 năm (1900-2020)** được xuất bản sẽ góp phần khỏa lấp khoảng trống đó và cung cấp cho bạn đọc, các nhà nghiên cứu nguồn tư liệu hữu ích,

cập nhật khi muốn tìm hiểu một cách hệ thống, cơ bản về lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Hướng nghiên cứu chính được tác giả - Giáo sư Sử học Trần Thị Vinh - đề cập trong nội dung cuốn sách bao gồm: lịch sử các học thuyết cơ bản về chủ nghĩa tư bản; quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản trong thế kỷ XX và hai thập niên đầu thế kỷ XXI thông qua các giai đoạn phát triển chính; từ đó rút ra những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại và biểu hiện của nó ở một số nước tư bản chính yếu.

Trong quá trình biên soạn, tác giả có sử dụng một số nguồn tư liệu từ các sách, báo nước ngoài. Để bạn đọc thuận tiện nghiên cứu và theo dõi, chúng tôi giữ nguyên nội dung bản dịch các tư liệu đó (có kèm theo nguồn trích dẫn) và coi đây là quan điểm riêng của tác giả.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 11 năm 2019

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Phần thứ nhất

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

Chương I

SỰ TIẾN TRIỂN CỦA CÁC HỌC THUYẾT CƠ BẢN VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản, tính từ cuộc Cách mạng tư sản Hà Lan giữa thế kỷ XVI đến nay đã trải qua gần năm thế kỷ. Trong suốt chiều dài lịch sử đó, chủ nghĩa tư bản luôn là đối tượng nghiên cứu của nhiều thế hệ các lý thuyết gia trên thế giới. Nhìn lại lịch sử có thể thấy, cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản là sự tiến triển của các lý thuyết về chủ nghĩa tư bản. Bên cạnh những quan điểm tương đồng về sự phát triển kinh tế, quy luật phát triển kinh tế của chủ nghĩa tư bản, các quan điểm về quan hệ sản xuất, về bản chất những mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản của các nhà nghiên cứu rất khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Điều đó được lý giải bằng lập trường chính trị giai cấp, bằng phương pháp tiếp cận nghiên cứu đối với chủ nghĩa tư bản. Về cơ bản có thể khái quát một số học thuyết cơ bản về chủ nghĩa tư bản theo trình tự thời gian như sau:

1. Học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển

Kinh tế chính trị tư sản cổ điển ra đời vào cuối thế kỷ XVII và phát triển mạnh ở Anh và Pháp. Các nhà kinh tế chính trị học Anh như: William Petty (1623-1687), người sáng lập ra kinh tế chính trị học tư sản cổ điển; Adam Smith (1723-1790),

nhà kinh tế thời kỳ công trường thủ công và David Ricardo (1772-1823), nhà kinh tế của thời kỳ đại công nghiệp cơ khí của chủ nghĩa tư bản là những đại diện của học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển. Các nhà kinh tế chính trị tư sản cổ điển đã áp dụng phương pháp trừu tượng hóa khoa học để nghiên cứu các hiện tượng và quá trình kinh tế, từ đó vạch ra bản chất của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Họ cho rằng lao động làm thuê của những người nghèo là nguồn gốc làm giàu vô tận của những người giàu. Các nhà kinh tế chính trị tư sản cổ điển nêu lên một cách có hệ thống các phạm trù và quy luật kinh tế của xã hội tư bản như: giá trị, giá cả, tiền tệ, tư bản, lợi nhuận, lợi tức, tiền lương, tái sản xuất..., đồng thời ủng hộ tự do cạnh tranh theo cơ chế thị trường tự điều chỉnh.

Trong số các nhà kinh tế chính trị tư sản cổ điển, Adam Smith được coi là đại diện tiêu biểu của lý thuyết kinh tế học tư sản. Công trình nghiên cứu cơ bản của ông, tác phẩm *Tìm hiểu bản chất và nguồn gốc sự giàu có của các dân tộc* (*An inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations*), thường được gọi là *Sự giàu có của các dân tộc* (*The Wealth of Nations*) xuất bản lần đầu năm 1776, đã đề cập những vấn đề cơ bản của kinh tế học tư sản như: phân công lao động, tự do thương mại, tiền lương, lợi nhuận, động lực cá nhân,... Trên cơ sở phân tích bốn thời kỳ chính trong lịch sử phát triển kinh tế - xã hội của nhân loại (gồm thời kỳ nguyên thủy với hoạt động săn bắt thô sơ, thời kỳ nông nghiệp du mục, thời kỳ canh tác phong kiến và thời kỳ phụ thuộc lẫn nhau về thương mại), Adam Smith cho rằng chủ nghĩa tư bản là hệ thống kinh tế tốt nhất trong việc sử dụng lao động làm thuê để sản xuất ra các sản phẩm và phân phối sản phẩm trong điều kiện tự do kinh doanh và tự do buôn bán.

Trong khi lý giải nguồn gốc sự giàu có của các quốc gia, Adam Smith đưa ra lý thuyết “bàn tay vô hình”. Theo lý thuyết này, có một “bàn tay vô hình” dắt dẫn con người trong khi làm việc có lợi cho mình, đồng thời đã đóng góp lợi ích cho xã hội, và do vậy, nếu mỗi người cố gắng làm lợi cho mình một cách đều đặn, không ngừng, thì sẽ dẫn tới sự thịnh vượng của quốc gia. Mặt khác, lý thuyết “bàn tay vô hình” còn được Adam Smith miêu tả như khả năng của thị trường trong việc điều tiết nền kinh tế mà không cần đến sự can thiệp của nhà nước hay bất cứ tổ chức nào khác, mặc dù trên thực tế, ông không dùng đến những thuật ngữ này. Adam Smith đồng tình với quan điểm của Thomas Paine (1737-1809), nhà triết học người Mỹ, khi cho rằng “một chính quyền tốt nhất là chính quyền ít cai trị nhất”¹.

Nhìn chung, lý thuyết của Adam Smith và các nhà kinh tế chính trị học cổ điển là tiếng nói của chủ nghĩa tư bản đã trưởng thành đòi hỏi được tự do kinh doanh và thích hợp với chủ nghĩa tư bản thời kỳ cạnh tranh tự do. Đề cao sở hữu cá nhân, tính ích kỷ cá nhân, động lực lợi nhuận, khả năng tự định hướng tổ chức kinh doanh và phân phối của chủ nghĩa tư bản,... là những điểm khác biệt cơ bản của lý thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển so với quan điểm mácxít về chủ nghĩa tư bản. Hạn chế lớn nhất của lý thuyết này là ở chỗ, họ coi quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản là quy luật tự nhiên, tuyệt đối và vĩnh hằng. Đánh giá chung về kinh tế chính trị tư sản cổ điển, Các Mác cho rằng: “Ricácdô (Ricardo - BT), người đại biểu vĩ đại cuối cùng của nó, rốt cuộc cũng đã lấy một cách có ý thức sự đối lập giữa những lợi ích giai cấp, giữa tiền công và

1. Adam Smith: “Wealth of Nations”, 1776, http://en.wikipedia.org/wiki/Wealth_of_Nations.

lợi nhuận, giữa lợi nhuận và địa tô, làm khởi điểm cho công trình nghiên cứu của mình và ngây thơ cho rằng sự đổi mới đó là một quy luật tự nhiên của đời sống xã hội. Với điều đó, khoa học kinh tế tư sản đã đạt tới cái giới hạn cuối cùng không thể vượt qua được của nó”¹.

2. Học thuyết Mác - Lê nin về chủ nghĩa tư bản

Các Mác (1818-1883) là người đặt nền móng cho hệ thống lý luận về chủ nghĩa tư bản trên cơ sở nghiên cứu và quan sát thực tiễn vận động của chủ nghĩa tư bản thế kỷ XIX. Cùng với Ph. Ăngghen (1820-1895), C. Mác đã xây dựng hệ thống lý luận làm rõ những vấn đề cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trên cơ sở kế thừa và phát triển một cách thiên tài ba trào lưu tư tưởng của thế kỷ XIX: triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học cổ điển Anh, chủ nghĩa xã hội Pháp, C. Mác đã tổng kết tri thức của nhân loại và sáng lập ra chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết kinh tế mácxít, chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học thuyết của C. Mác về chủ nghĩa tư bản được trình bày trong các tác phẩm như: *Sự khốn cùng của triết học* (năm 1847), *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (năm 1848), *Lao động, làm thuê và tư bản* (năm 1849) và đặc biệt là bộ sách đồ sộ *Tư bản* (*Das Kapital*) được xuất bản trong những năm 1867-1895. Kế thừa có phê phán quan điểm của các nhà kinh tế chính trị tư sản cổ điển như Adam Smith, David Ricardo..., C. Mác đã đưa ra hàng loạt phê phán về những hạn chế không thể chối bỏ của chủ nghĩa tư bản như: quyền sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, thuyết giá trị thặng dư, sự bóc lột lao động làm thuê,

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Tbàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, t.23, tr.26.

sự bất bình đẳng xã hội,... Không đi theo bất cứ ai trong số những người đi trước, C. Mác chủ trương giải quyết những mâu thuẫn kinh tế chính trị với cách tiếp cận hoàn toàn khác, chủ yếu bằng con đường đấu tranh giai cấp. Chính vì vậy, học thuyết kinh tế chính trị của C. Mác trở thành một trường phái kinh tế chính trị riêng - kinh tế chính trị mácxít. Sau này, V.I. Lênin đã chỉ ra sự khác biệt giữa Mác với các nhà kinh tế chính trị học tư sản: “Toàn bộ khoa học quan phương và của phái tự do, đều *bệnh vực* bằng cách này hay cách khác chế độ nô lệ làm thuê, còn chủ nghĩa Mác thì tuyên chiến quyết liệt với chế độ nô lệ ấy”¹, “Thiên tài của Mác là ở chỗ ông là người đầu tiên đã từ đó rút ra và triệt để cái kết luận do lịch sử toàn thế giới chỉ ra. Kết luận đó là học thuyết *đấu tranh giai cấp*... Chỉ có học thuyết kinh tế của Mác là đã giải thích được địa vị thực sự của giai cấp vô sản trong toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa”². Trong khi phân tích quá trình phát triển và phát hiện quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản với những tiến bộ, hạn chế và mâu thuẫn của nó, C. Mác đã đưa ra luận chứng khoa học về tính tất yếu của việc chuyển từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội - giai đoạn đầu của phương thức sản xuất mới cao hơn, tiến bộ hơn, đó là phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa.

V.I. Lênin (1870-1924) đã vận dụng và phát triển toàn diện học thuyết Mác về chủ nghĩa tư bản. Chứng kiến sự vận động và phát triển của chủ nghĩa tư bản vào những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, V.I. Lênin đã rút ra một kết luận quan trọng: “việc tập trung sản xuất để ra các tổ chức độc quyền” và đó là “một quy luật phổ biến và cơ bản trong giai đoạn phát triển

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.23, tr.49, 57-58.

hiện nay của chủ nghĩa tư bản”¹. V.I. Lê nin cho rằng: “tự do cạnh tranh để ra tập trung sản xuất và sự tập trung sản xuất này, khi phát triển tới một mức độ nhất định, lại dẫn tới độc quyền”², và độc quyền có vai trò quyết định trong hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa. Đồng thời, ông đưa ra khái niệm “chủ nghĩa đế quốc” và coi đó là một giai đoạn phát triển đặc biệt của chủ nghĩa tư bản. Trong tác phẩm nổi tiếng *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* (năm 1916), V.I. Lê nin đã phân tích năm đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa đế quốc, làm rõ hình thái vận động mới của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong điều kiện tích tụ và tập trung sản xuất đã đạt đến một trình độ cao.

V.I. Lê nin cho rằng ở giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, sự hình thành các tổ chức độc quyền, sự xuất hiện tư bản tài chính đã làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, theo sự phân tích của V.I. Lê nin, ở giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, sự dư thừa tư bản trong nước có thể được làm dịu bớt phần nào nhờ xuất khẩu tư bản; và một khi xuất khẩu tư bản mang lại lợi nhuận cao cho các độc quyền thì sẽ xuất hiện các cuộc chiến tranh kinh tế nhằm tranh giành thị trường xuất khẩu tư bản và nguồn cung ứng nguyên liệu. Các cuộc chiến tranh này không phải chỉ diễn ra giữa các độc quyền trong một quốc gia mà giữa các độc quyền của các nước với nhau, thậm chí giữa các nước với nhau, bởi lẽ cạnh tranh trên lĩnh vực kinh tế đòi hỏi phải có quân sự và chính trị hỗ trợ. Mâu thuẫn này có thể giải quyết thông qua các cuộc chiến tranh và sự phân chia thế giới giữa các liên minh của các tổ chức độc quyền và các nước đế quốc. Tiên đoán của V.I. Lê nin đã được

1, 2. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd, t.27, tr.402.*

minh chứng trong lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản vào nửa đầu thế kỷ XX.

3. Lý thuyết của John Maynard Keynes về chủ nghĩa tư bản

J.M. Keynes (1883-1948) là nhà kinh tế chính trị học người Anh có ảnh hưởng lớn đến kinh tế chính trị học tư sản hiện đại và chính sách kinh tế của các nhà nước tư sản, đồng thời là người đặt nền móng cho hệ thống lý thuyết kinh tế vĩ mô hiện đại. Trong tác phẩm chính *Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ* (*The General Theory of Employment, Interest and Money*), thường được gọi là *Lý thuyết chung* (*The General*), xuất bản năm 1936, Keynes đã đưa ra một loạt lý thuyết mới về nguyên lý cung - cầu hữu hiệu trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Trên cơ sở quan sát thực tiễn cuộc đại suy thoái kinh tế 1929-1933 của chủ nghĩa tư bản, ông cho rằng vai trò ổn định kinh tế vĩ mô của chính phủ là không thể thiếu vì khả năng điều tiết của thị trường không hoàn hảo như các nhà kinh tế học tư sản trước đây quan niệm. Chính vì vậy, mặc dù ủng hộ thị trường tự do nhưng Keynes đề cao vai trò can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế nhằm khắc phục những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản. Ông nhấn mạnh đến các yếu tố điều tiết vĩ mô (thu nhập quốc dân, đầu tư vào hạ tầng cơ sở, việc làm, nhu cầu, tiết kiệm,...) nhằm mục tiêu duy trì “nhu cầu có hiệu quả” và “tổn dụng nhân lực”. Đánh giá cao vai trò của tiêu dùng và trao đổi, ông cho rằng muốn đẩy mạnh sản xuất phải kích cầu có hiệu quả, do vậy lý thuyết của ông là lý thuyết trọng cầu¹.

¹ Xem J.M. Keynes: “The General Theory of Employment, Interest and Money”, 1936, <http://www.marxist.org/refrence/subject/economics/keynes/general-theory/>.

Những năm tiếp theo sau khi tác phẩm *Lý thuyết chung* của Keynes được công bố, các nhà kinh tế học như John Richard Hick (1904-1989), Roy Forbes Harrod (1900-1978),... đã mô hình hóa các ý tưởng và lý luận của ông. Sau khi ông mất năm 1948, các nhà kinh tế học người Anh đã thành lập Câu lạc bộ Keynes, tập hợp các nhà nghiên cứu đóng góp vào việc phát triển lý thuyết của Keynes, hình thành nên “Trường phái Keynes”.

Lý thuyết của Keynes được vận dụng và phát triển ở Mỹ trong thời kỳ khắc phục những hậu quả của đại suy thoái kinh tế 1929-1933. Chính phủ của Tổng thống F. Roosevelt đã thực hiện Chính sách mới (New Deal) với sự can thiệp tích cực của Nhà nước vào đời sống kinh tế - xã hội nhằm đưa nước Mỹ thoát ra khỏi khủng hoảng. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, lý thuyết của Keynes tiếp tục ảnh hưởng đến lý luận và chính sách kinh tế của một số nước tư bản chủ nghĩa phương Tây khác.

4. Trường phái kinh tế Áo và chủ nghĩa tự do mới

Các nhà kinh tế học người Áo như: Joseph Schumpeter (1883-1950), Ludwig von Mises (1881-1973) và Friedrich Hayek (1899-1992),... là những đại diện tiêu biểu của trường phái kinh tế học Áo, có ảnh hưởng lớn đến lý thuyết về kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa thế kỷ XX. Trường phái này đưa ra lý thuyết về chủ nghĩa tự do mới, trên cơ sở cho rằng thị trường chính là nhân tố hoàn hảo có khả năng điều tiết nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, do vậy cần thiết phải hạn chế mọi hình thức can thiệp của nhà nước và đặt nền kinh tế dưới sự điều tiết của thị trường tự do.

Trong khi đề cao chủ nghĩa tư bản tự do, những người theo chủ nghĩa tự do mới chống lại lý thuyết về chủ nghĩa xã hội và tập thể hóa. Họ coi sự bình đẳng về phúc lợi xã hội là có hại cho quyền tự do của công dân, hạn chế sự phát triển tài năng cá nhân và cho rằng sự bất bình đẳng mới là động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội tư bản. Trên cơ sở đó, trường phái này phản đối việc tăng quỹ phúc lợi xã hội, không chấp nhận yêu sách tăng lương của công nhân, coi đó là nguyên nhân của việc suy giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp, dẫn đến tình trạng lạm phát và giảm sút tăng trưởng. Chủ nghĩa tự do mới ra đời từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng cho đến thập niên 1970 vẫn chỉ là lý thuyết, chưa được áp dụng trên thực tế do địa vị chi phối của học thuyết Keynes đối với chính sách kinh tế của các nước tư bản phương Tây. Chỉ đến giữa thập niên 1970, khi chủ nghĩa tư bản suy thoái trầm trọng với hai cơn bạo bệnh: tăng trưởng thấp và lạm phát cao, tình hình đó mới tạo ra cơ hội vàng cho việc hiện thực hóa chủ nghĩa tự do mới. Trong quá trình chuyển từ lý thuyết thành chính sách, chủ nghĩa tự do mới tập trung vào ba lĩnh vực chính: tự do hóa, tư nhân hóa và phi điều tiết hóa, trong đó nhấn mạnh đến việc cắt giảm khu vực kinh tế công, coi đó là mầm mống của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa tự do mới có ảnh hưởng sâu sắc đến chính sách kinh tế của Mỹ dưới thời kỳ cầm quyền của Tổng thống R. Reagan, của Anh dưới thời kỳ cầm quyền của Thủ tướng M. Thatcher, được tiếp tục phát huy trong các chính quyền kế nhiệm và trở thành nền tảng tư tưởng cho các thiết chế tài chính quốc tế như Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB),...

Chủ nghĩa tự do mới có cách nhìn tiêu cực đối với vai trò điều tiết của nhà nước, đặc biệt là nhà nước của các quốc gia

đang phát triển. Những người theo chủ nghĩa tự do mới cho rằng ở các nước đang phát triển, sự can thiệp quá lớn của nhà nước đã hạn chế vai trò điều tiết của thị trường và ngăn cản các doanh nghiệp làm giàu cho họ và cho xã hội nói chung. Theo quan điểm của chủ nghĩa tự do mới, vai trò của nhà nước trong nền kinh tế chỉ nên giới hạn trong việc bảo vệ quyền sở hữu tài sản, giám sát việc thực thi các dự án, hợp đồng kinh tế và (trong một số trường hợp) đầu tư vào việc phát triển nguồn nhân lực.

Tuy nhiên, thực tế đã cho thấy những hạn chế và sai lầm của chủ nghĩa tự do mới. Những quốc gia theo chủ nghĩa tự do mới không phải tất cả đều đạt được mức tăng trưởng cao như mong đợi, đặc biệt là những cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu diễn ra trong những thập niên cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI đã cho thấy những mặt trái của lý thuyết này. Trong khi đó một số nước có nền kinh tế thị trường với sự kiểm soát của nhà nước lại đạt được chỉ số tăng trưởng cao hơn và bền vững hơn.

Cùng quan điểm với chủ nghĩa tự do mới cần phải kể đến trường phái Chicago và lý thuyết kinh tế Tân cổ điển (Neoclassical economics), mà một trong những đại diện tiêu biểu là nhà kinh tế học người Mỹ Milton Friedman (1912-2006). Trên cơ sở nhấn mạnh những ưu thế của thị trường, Friedman cũng có cách nhìn nhận tiêu cực đối với vai trò của nhà nước và cho rằng cần thiết phải giảm bớt sự can thiệp của nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Friedman đề cao mô hình “trọng tiền”, chủ trương lấy chính sách tiền tệ, sự ổn định tiền tệ làm đòn bẩy kích thích sản xuất, tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội. Lý thuyết của Friedman có ảnh hưởng đáng kể đến chính sách kinh tế của các nước tư bản nửa sau thế kỷ XX.